

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lilama5;
Căn cứ Biên bản họp số: 67 /BB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc: Miễn nhiệm, Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Phạm Văn Hoàn theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

- Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Xuân Thông, sinh 04/01/1972, Cử nhân kinh tế, Giám đốc Ban dự án Cơ - Điện Lilama thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 thay cho ông Phạm Văn Hoàn, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019:

- Giá trị sản lượng	: 199,475 tỷ đồng
- Doanh thu	: 166,229 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: (28,558) tỷ đồng
- Nộp ngân sách	: 3,041 tỷ đồng
- Đầu tư máy móc, thiết bị thi công	: 0,704 tỷ đồng

2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020:

- Giá trị sản lượng	: 192,000 tỷ đồng
- Doanh thu	: 160,000 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 0 tỷ đồng
- Nộp ngân sách	: 6,400 tỷ đồng
- Đầu tư máy móc, thiết bị thi công	: 1,500 tỷ đồng
- Cổ tức	: Không chia

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán như sau:

3.1. Tài sản – Nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	Tổng tài sản	Đồng	441.710.772.578
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	370.461.928.187
2	Tài sản dài hạn	Đồng	71.248.844.391
II	Tổng cộng nguồn vốn	Đồng	441.710.772.578
1	Nợ phải trả	Đồng	400.543.883.809
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	41.166.888.769

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	166.229.263.188
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	(28.558.737.581)

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	Cách tính	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2019		(28.558.737.581)
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019		0
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	3=1-2	(28.558.737.581)
4	Lãi do đánh giá lại các khoản tiền tệ (chưa được phân phối)		
5	Lợi nhuận còn lại dùng để phân phối	5=3-4	(28.558.737.581)
6	Lỗ các năm trước chuyển sang		(5.184.565.939)
7	Phương án phân phối lợi nhuận		
8	Lỗ chuyển sang năm 2020	6=3+6-7	(33.743.303.520)
9	Cổ tức năm 2019		Không

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.

Điều 6: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

Điều 7: Thông qua Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2019 như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người) : 240.134.450 đồng
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách (01 người) : 147.630.000 đồng
- Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm (04 người) : 156.000.000 đồng
- Thù lao thành viên Ban kiểm soát (02 người) : 62.400.000 đồng
- Thư ký HĐQT (01 người) : 31.200.000 đồng

Tổng cộng : 637.364.450 đồng

Điều 8 Thông qua Kế hoạch chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương và thù lao (đồng/người /tháng)	Số tháng	Thành tiền (VNĐ)
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách				
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	01	21.788.750	12	261.465.000
2	Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)	01	13.300.000	12	159.600.000
	Cộng I				421.065.000
II	Thù lao thành viên HĐQT, Thành viên BKS và thư ký HĐQT				
1	Thành viên HĐQT	04	1.500.000	12	72.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	12	24.000.000
3	Thư ký HĐQT	01	1.500.000	12	18.000.000
	Cộng II				114.000.000
	Tổng cộng (I+II)				535.065.000

Bảng chữ: Năm trăm ba mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng
Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hưởng lương chuyên trách theo quy chế trả lương của Công ty
- Trưởng Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách theo quy chế trả lương của Công ty
- Thành viên hội đồng quản trị: Thù lao 1.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: Thù lao 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị: Thù lao 1.500.000 đồng/người/tháng

Điều 9: Thông qua Tờ trình về việc: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán độc lập có tên dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 gồm:

- Công ty TNHH kế toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công ty TNHH kế toán và kiểm toán Hà Nội (CPA).

Điều 10: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu phân tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Điều 11: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An.

Điều 12: Thông qua Tờ trình về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5 như sau:

T T	Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung
1	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2019.	Phần mở đầu Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 4 năm 2020.
2	Điều lệ gồm 21 chương và 57 điều	Điều lệ gồm 21 chương và 57 điều các nội dung điều lệ không thay đổi so với điều lệ hiện hành
3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty Ông Phạm Văn Hoàn	Người đại diện theo pháp luật của Công ty Ông Nguyễn Xuân Thông

Điều 13: Thông qua Tờ trình về việc: Miễn nhiệm, Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với ông Phạm Văn Hoàn, theo nguyện vọng cá nhân.

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với ông Nguyễn Tuấn Ngọc, theo nguyện vọng cá nhân.

- Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với bà Hoàng Thị Phương, theo nguyện vọng cá nhân



- Bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 14: Thông qua kết quả bầu cử bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 cụ thể như sau:

14.1. Danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Ông Nguyễn Xuân Thông	2.997.687	99,82%
2	Bà Hoàng Thị Phương	2.989.113	99,53%

14.2. Danh sách trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Bà Phạm Thùy Dương	2.994.564	99,71%

Điều 15: Thông qua Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 28/04/2020 về việc: Thống nhất bầu bà Phạm Thùy Dương giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 16: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam;
- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lưu Huy Phúc

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

I. Thông tin về doanh nghiệp:

Tên Công ty: Công ty cổ phần Lilama5

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần phú, P.Ba Đình, TX Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá.

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2800233448 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 15/06/2006. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/03/2020.

II. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 08 giờ 00 ngày 28/04/2020

- Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Lilama5

- Địa chỉ: Số 179 Trần Phú, Ba Đình, TX Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá.

III. Nội dung và diễn biến Đại hội:

1. Ông Phạm Ngọc Dũng - Chủ tịch Công Đoàn Công ty đọc diễn văn khai mạc Đại hội, giới thiệu đoàn chủ tịch Đại hội.

Đoàn chủ tịch Đại hội gồm:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Lưu Huy Phúc | Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn |
| - Ông: Nguyễn Xuân Thông | Tổng giám đốc - Thành viên |
| - Ông: Cù Minh Kim | Thành viên HĐQT - Thành viên |
| - Ông: Bùi Thanh Phong | Thành viên HĐQT - Thành viên |
| - Bà: Hoàng Thị Phương | Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên |

2. Bà Hoàng Thị Phương, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội. Tổng số cổ đông sở hữu và nhận ủy quyền dự họp là 18 người, đại diện cho 3.003.226 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 58,32 % vốn Điều lệ. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 thì Công ty cổ phần Lilama5 có đủ điều kiện pháp lý để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu Ban thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu gồm:

- Thư ký Đại hội: Ông Nguyễn Văn Dũng, Thư ký HĐQT

- Ban Kiểm phiếu:

+ Ông Phạm Ngọc Dũng

Chủ tịch Công Đoàn Công ty - Trưởng ban

+ Ông Nguyễn Văn Nhuận

Phó Phòng: TC-KT - Thành viên

Đại hội đã thông qua và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

Ông Cù Minh Kim, thành viên Hội đồng quản trị thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Đại hội đã thông qua và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

4. Đại hội nghe trình bày các nội dung Báo cáo, Tờ trình:

- Ông Bùi Thanh Phong, thành viên Hội đồng quản trị báo cáo về việc: Miễn nhiệm, Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 như sau:

+ Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Phạm Văn Hoàn theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

+ Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Xuân Thông, sinh 04/01/1972, Cử nhân kinh tế, Giám đốc Ban dự án Cơ - Điện Lilama thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 thay cho ông Phạm Văn Hoàn, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

Đại hội đã thông qua và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

- Ông Nguyễn Xuân Thông - Tổng giám đốc trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020.

- Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng trình bày:

+ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

+ Thông qua Tờ trình về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

- Ông Lưu Huy Phúc – Chủ tịch HĐQT trình bày:

+ Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

- Bà Hoàng Thị Phương – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày:

+ Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

+ Thông qua Tờ trình về việc: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Ông Bùi Thanh Phong - Thành viên HĐQT trình bày:

+ Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

+ Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5.

+ Thông qua Tờ trình về việc: Sửa đổi Điều lệ Công ty

- Ông Cù Minh Kim, thành viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Thông qua Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao TVHĐQT, TVBKS, thư ký HĐQT năm 2019. Kế hoạch chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho TVHĐQT, TVBKS, thư ký HĐQT năm 2020.



+ Thông qua Tờ trình về việc: Miễn nhiệm, Bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ III (2016-2021) như sau:

Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với ông Phạm Văn Hoàn, theo nguyện vọng cá nhân.

Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với ông Nguyễn Tuấn Ngọc, theo nguyện vọng cá nhân.

Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ (2016-2021) đối với bà Hoàng Thị Phương, theo nguyện vọng cá nhân

Bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-20201.

Đại hội đã thống nhất và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

+ Thông qua Quy chế bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-20201. Đại hội đã thống nhất và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

- Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu để bầu các ông/bà có tên sau tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 theo Nghị quyết số: 120/NQ-HĐQT ngày 20/04/2020 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP (cổ đông 51% vốn Điều lệ) gồm:

+ Giới thiệu để bầu ông Nguyễn Xuân Thông, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama5, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 vào Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021 .

+ Giới thiệu để bầu bà Hoàng Thị Phương, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama5 vào Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021.

+ Giới thiệu để bầu bà Phạm Thùy Dương, Cử nhân kế toán vào thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021.

Đại hội đã thống nhất các ông, bà có tên nêu trên tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021). Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

5. Đại hội thảo luận:

- Ý kiến của cổ đông Mạc Anh Khoa.

Đề nghị Công ty hoàn thành công tác tái cơ cấu tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn. Công tác bảo trì, bảo dưỡng.

- Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch HĐQT, trả lời cổ đông:

Trong nhiều năm qua ban lãnh đạo Công ty đã mời nhiều đối tác để chuyển nhượng dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn tuy nhiên không có khách hàng quan tâm.

Công tác quản lý bảo trì bảo dưỡng Công ty giao cho Nhà máy chế tạo Bim Sơn quản lý và bảo trì, bảo dưỡng.

13344
NG T
PH
AM
IN T.

- Ý kiến của cổ đông Bùi Xuân Đáp:

+ Công tác tái cơ cấu dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn không hiệu quả đề nghị Hội đồng quản trị không nên lắp đặt lại dây chuyền.

+ Công tác quản lý tại các dự án không hiệu quả. Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý sao cho phù hợp năng lực cán bộ.

+ Đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phương án mua lại số lượng cổ phần nhỏ lẻ của cổ đông Công ty.

- Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch HĐQT, trả lời cổ đông:

Đồng ý với cổ đông không lắp đặt lại dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất que hàn mà chỉ đấu nối điện vào máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng.

Do tình hình tài chính của Công ty khó khăn nên công tác thi công tác dự án đều gặp khó khăn.

Việc mua lại cổ phần nhỏ lẻ của cổ đông Công ty do tình hình tài chính của Công ty khó khăn nên trong giai đoạn hiện tại Công ty chưa thực hiện được.

Tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật Vinh. Ban lãnh đạo của Công ty đã tìm được một số đối tác để tái cơ cấu tuy nhiên do hồ sơ giấy tờ liên quan đến khu đất trường công nhân kỹ thuật chưa hoàn thiện theo quy định của pháp luật.

Đại hội không còn ý kiến nào khác và tiến hành biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu.

6. Kết quả Biểu quyết:

Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết cho 10 nội dung gồm các báo cáo, tờ trình. Việc biểu quyết được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông sở hữu và nhận ủy quyền có mặt 18 người, đại diện cho 3.003.226 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 58,32 % vốn Điều lệ

- Tổng số phiếu phát ra: 18 phiếu

- Tổng số phiếu thu về: 18 phiếu

- Tổng số phiếu hợp lệ: 18 phiếu

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

6.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020

6.2. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

6.3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

6.4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019

6.5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019



6.6. Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019. Kế hoạch chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019. Kế hoạch chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020.

6.7. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

6.8. Báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

6.9. Báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục thực hiện tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5).

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục thực hiện tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5).

6.10. Sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5.

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	18	3.003.226	100%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5.

7. Thông qua danh sách trúng cử bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông sở hữu và nhận uỷ quyền có mặt là 18 người, đại diện cho 3.003.226 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 58,32 % vốn Điều lệ.

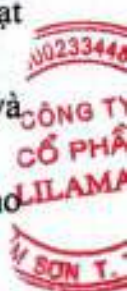
- Số phiếu bầu phát ra: 18 phiếu
- Số phiếu bầu thu về: 18 phiếu
- Số phiếu bầu hợp lệ: 17 phiếu
- Số phiếu bầu không hợp lệ: 01 phiếu

7.1. Danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Nguyễn Xuân Thông	2.997.687	99,82%
2	Hoàng Thị Phương	2.989.113	99,53%

7.2. Danh sách trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Phạm Thùy Dương	2.994.564	99,71%



8. Thông qua Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 28/04/2020 thống nhất bầu bà Phạm Thùy Dương, giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021

9. Ông Nguyễn Văn Dũng, Thư ký đại hội thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Đại hội thống nhất và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Dũng



Lưu Huy Phúc



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LILAMA5

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

BÌM SƠN, THÁNG 04 NĂM 2020

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	30

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	32
Điều 37. Kiểm soát viên	33
Điều 38. Ban kiểm soát	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng	34
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 46. Năm tài chính.....	38
Điều 47. Chế độ kế toán	38
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	39
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	39
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 50. Kiểm toán	39
XVII. CON DẤU	40
Điều 51. Con dấu.....	40
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	40
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 54. Thanh lý	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 56. Điều lệ công ty.....	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 28 tháng 04 năm 2020.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

ƣ. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua bằng nghị quyết;

j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần LILAMA5

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: LILAMA5 JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: LILAMA5., JSC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Số 179, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại : 0237 3824 421

- Fax : 0237 3824 220

- E-mail : Lilama5@lilama5.com.vn

- Website : www.lilama5.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty; và phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia Công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại	2599 (Chính)
2	Xây dựng Công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi Công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc công trình	4290
4	Sản xuất khác chưa phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện kim loại cho ngành xây dựng	3290
5	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
6	Xây dựng nhà các loại	4100
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng	6810
8	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô	4933
11	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại	4719
12	Kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại; Tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng;	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác; tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

- Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

- Đa dạng hoá ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh.

- Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **51.497.910.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.149.791 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15%/năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp gửi thư đảm bảo, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày

tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- e. Mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ

trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của

ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

ã. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán

thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và

công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương

mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Ban kiểm soát;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những

thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay

mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Công ty cổ phần Lilama5 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hồng

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMAS

Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	124 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	2.626.500	51%	0100106313
Các cổ đông khác		Cổ phần phổ thông	2.523.291	49%	

Bim sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5;

Căn cứ Nghị quyết số: 58/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2019 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Lilama5.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2020 như sau:

I. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

T T	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH2019/ KH 2019
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	300,000	199,475	66,49%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	250,000	166,229	66,49%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,105	-28,558	-27.198%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	12,500	3,041	24,33%
5	Đầu tư (thiết bị thi công)	Tỷ đồng	3,000	0,704	23,47%

Năm 2019 Hội đồng quản trị đã triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thống nhất ban hành, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh lỗ do một số nguyên nhân chính như sau:

- Trong năm 2019 do Công ty không có nhiều việc làm, doanh thu thấp dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

- Công ty đầu tư nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA không hiệu quả dẫn đến hàng năm hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp phải chịu một khoản lỗ về khấu hao và chi phí lãi vay.

- Công tác quản lý, quản trị chưa được chặt chẽ. Công tác khoán, quyết toán khoán, quyết toán vật tư chưa kịp thời, đầy đủ.

- Cán bộ kỹ thuật Công ty thiếu, công tác theo dõi, giám sát, làm hồ sơ nghiệm thu, thu hồi vốn chậm.

- Công tác tuyển dụng lao động rất khó khăn nguyên nhân do Công ty chi trả lương hàng tháng chậm. Lực lượng lao động của Công ty không đáp ứng được nhu cầu thi công các dự án. Hàng năm lực lượng lao động có sự biến động lớn do giảm do chấm dứt hợp đồng. Việc tuyển dụng hoặc thuê nhân công tại các dự án không có tay nghề cao dẫn đến năng suất thấp, tăng chi phí...

- Năng lực máy móc, thiết bị thi công của Công ty cũ, lạc hậu không đáp ứng được yêu cầu, kỹ thuật của dự án.

2. Công tác đầu tư:

Thực hiện đầu tư trong năm 2019 là: 0,704 tỷ đồng/3,0 tỷ đồng đạt 23% so với kế hoạch. Nguyên nhân do tình hình tài chính của Công ty khó khăn nên Ban lãnh đạo Công ty chỉ tập trung đầu tư mua sắm những thiết bị phục vụ thi công cần thiết và cấp bách.

3. Công tác thực hiện đề án tái cấu trúc

Công ty tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc nâng cao năng lực quản trị Công ty đến năm 2020 theo kế hoạch đề ra. Trong đó việc cơ cấu lại vốn chủ sở hữu và xây dựng mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả luôn được Hội đồng quản trị Công ty được coi trọng tâm.

Công ty tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

4. Những hạn chế, tồn tại

- Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn: Vietinbank nợ quá hạn (nhóm 5) ngừng cho vay từ tháng 10 năm 2018 và khởi kiện ra Tòa án Bim Sơn thu nợ. BIDV do nợ quá hạn (nhóm 5) tại Vietinbank nên ảnh hưởng đến nợ vay BIDV (nhảy nhóm 5) dẫn đến BIDV gần như tạm dừng cho vay, chưa phê duyệt lại hạn mức cho Công ty (từ tháng 5/2019 đến nay).

- Công tác thu hồi công nợ: Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình, dự án đã và đang thi công rất chậm không đạt hiệu quả. (Bao gồm các công trình, dự án như sau: Dự án dây chuyền mới nhà máy xi măng Bim Sơn; Chế tạo và lắp đặt KCT nhà Tua Bin và Nhà Bunker ký hợp đồng với Lilama 45-1 thuộc Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Chế tạo kết cấu thép Cầu rồng Đà Nẵng; Dự án gang thép Thái Nguyên; Nhà máy xi măng Sơn La; Nhà máy xi măng Hạ Long; Nhà máy xi măng Tuyên Quang; Thu hồi công nợ khách hàng mua que hàn và một số dự án khác...) tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Năng suất lao động thấp, hiệu quả sản xuất kinh doanh không có (lỗ)

- Bộ máy quản lý khối văn phòng cồng kềnh chưa phù hợp với kết quả SXKD

- Chưa hoàn thành công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn. Nguyên nhân do không có khách hàng quan tâm.

- Chưa hoàn thành công tác tái cơ cấu Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An.

- Việc chi trả lương cho CBCNV trong Công ty chưa kịp thời.

- Nợ Bảo hiểm xã hội dẫn đến việc không giải quyết được các chế độ cho người lao động trong Công ty.

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 đã tổ chức họp, hội ý, lấy ý kiến gồm 15 phiên. Những phiên họp của Hội đồng quản trị có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban điều hành và trưởng các phòng ban Công ty. Hội đồng quản trị ban hành 25 Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện bao gồm một số nội dung chính như sau:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung
1	Số: 12/NQ-HĐQT	18/02/2019	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	Số: 14/NQ-HĐQT	06/03/2019	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực chi năm 2018
3	Số: 21/NQ-HĐQT	29/03/2019	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán
4	Số: 36/NQ-HĐQT	09/04/2019	Miễn nhiệm, bỏ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc và miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5
5	Số: 38/CT-HĐQT	09/04/2019	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Phạm Đình San kể từ ngày 10/04/2019 để nhận nhiệm vụ mới
6	Số: 39/CT-HĐQT	09/04/2019	Bổ nhiệm có thời hạn ông Phạm Văn Hoàn, kỹ sư Công nghệ chế tạo máy, Phó Tổng giám đốc giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 kể từ ngày 10/04/2019
7	Số: 40/CT-HĐQT	09/04/2019	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Phạm Văn Hoàn kể từ ngày 10/04/2019
8	Số: 49/NQ-HĐQT	17/04/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019.
9	Số: 51/NQ-HĐQT	17/04/2019	Thông qua các nội dung báo cáo, Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
10	Số: 59/QĐ-HĐQT	12/05/2019	Chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách. Tiền lương Tổng giám đốc, thù lao TVHĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2019

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung
11	Số: 62/QĐ-HĐQT	15/05/2019	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ III (2016-2021)
12	Số: 66/NQ-HĐQT	20/06/2019	Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
13	Số: 78/NQ-HĐQT	13/08/2019	Tiếp tục thực hiện các nội dung còn tồn tại Nghị quyết của Hội đồng quản trị
14	Số: 79/NQ-HĐQT	13/08/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư 6 tháng đầu năm 2019, kế hoạch SXKD, đầu tư quý III năm 2019
15	Số: 80/NQ-HĐQT	13/08/2019	Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 trước kiểm toán
16	Số: 81/NQ-HĐQT	13/08/2019	Công tác bàn giao chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5
17	Số: 82/NQ-HĐQT	13/08/2019	Thông qua chủ trương sáp nhập lại một số phòng chức năng, đội công trình. Sắp xếp, định biên lại lao động khối phòng ban chức năng
18	Số: 83/NQ-HĐQT	13/08/2019	Thông qua một số nội dung: Chỉ đạo công tác thi công các dự án, công tác giao khoán, quyết toán khoán, công nợ phải thu
19	Số: 85/NQ-HĐQT	15/08/2019	Thông qua Báo cáo tài chính cho ký kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán
20	Số: 99/NQ-HĐQT	24/10/2019	Thống nhất sửa đổi phụ lục số 01 của Quy chế tạm thời về việc trả tiền lương cho cán bộ lãnh đạo quản lý và CBCNV các phòng chức năng trực thuộc Công ty cổ phần Lilama5
21	Số: 103/NQ-HĐQT	04/11/2019	Thông qua kết quả SXKD, đầu tư 9 tháng năm 2019 và kế hoạch SXKD quý IV năm 2019
22	Số: 104/NQ-HĐQT	04/11/2019	Tiếp tục thực hiện các nội dung còn tồn tại Nghị quyết của Hội đồng quản trị
23	Số: 105/NQ-HĐQT	04/11/2019	Thông qua phương án tổ chức, cán bộ và công tác định biên lao động các phòng chức năng Công ty
24	Số: 106/NQ-HĐQT	04/11/2019	Về công tác quản lý: Lập dự toán kịp thời đối với các công trình, dự án. Quyết toán vật tư các công trình đã thi công xong và một số nội dung khác

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung
25	Số: 115/NQ-HĐQT	27/12/2019	Tình hình thực hiện doanh thu năm 2019, công tác thu hồi công nợ và lập Báo cáo tài chính quý IV năm 2019
26	Số: 119/NQ-HĐQT	27/12/2019	Phê duyệt tăng tài sản cố định Công ty

6. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc :

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định và các quy chế quy định quản lý nội bộ. Hội đồng quản trị luôn theo dõi giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty, triển khai đúng các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa kịp thời.

7. Chi trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2019:

Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện đúng công tác chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2019	Thực hiện năm 2019
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	01	261.465.000	240.134.450
2	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)	01	159.600.000	147.630.000
3	Thù lao thành viên HĐQT	04	156.000.000	156.000.000
4	Thù lao thành viên BKS	02	62.400.000	62.400.000
5	Thù lao thư ký HĐQT	01	31.200.000	31.200.000
	Cộng		670.665.000	637.364.450

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	192,000	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	160,000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0	
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	6,400	
5	Đầu tư (Thiết bị thi công)	Tỷ đồng	1,500	
6	Dự kiến trả cổ tức	%	Không chia	

2. Công tác tổ chức:

Thực hiện Nghị quyết số: 66 /TCT-HĐQT ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP về việc: Công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Lilama5;

Thực hiện Quyết định số: 68/QĐ-HDDQT ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP về việc: Cử Người đại diện phân vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama5.

Thực hiện Công văn số: 69/CV-HĐQT ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP về việc: Công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Lilama5;

Ngày 28/02/2020 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 đã họp và Ban hành Nghị quyết số: 26/ NQ-HĐQT ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 về việc: Miễn nhiệm, Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Phạm Văn Hoàn theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

- Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Xuân Thông, sinh 04/01/1972, Cử nhân kinh tế, Giám đốc Ban dự án Cơ - Điện Lilama thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP, Người đại diện phân vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 thay cho ông Phạm Văn Hoàn, kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2020.

3. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

Tập trung chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu, chào giá để có thể có ký hợp đồng, tạo công ăn việc làm, doanh thu và dòng tiền trả nợ.

Chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, chỉ đạo thi công các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất lao động, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn.

Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để cơ cấu thời gian trả nợ và phê duyệt lại hạn mức vốn vay.

Tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc nâng cao năng lực quản trị Công ty đến năm 2020 theo kế hoạch đề ra. Trong đó việc cơ cấu giảm vốn Nhà nước từ 51% xuống còn 36% vốn điều lệ. Thực hiện sáp nhập một số phòng chức năng, định biên lại lao động khối văn phòng, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

Chỉ đạo, thực hiện tiết giảm các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh

Tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu phần dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn, tái cơ cấu Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An.

Chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định nội bộ của Công ty cổ phần Lilama5 cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch thực hiện năm 2020 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVHĐQT;
- Lưu: TKHĐQT



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NICH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA 5
LƯU HUY PHÚC



Bim Sơn, ngày 02 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP LILAMA5

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần LILAMA5.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Lilama5 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo quy định về các hoạt động của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội một số các nội dung chủ yếu sau:

- 1- Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 2- Báo cáo tình hình tài chính niên độ kế toán năm 2019.
- 3- Báo cáo, đánh giá hoạt động của HĐQT; Ban giám đốc trong năm 2019.
- 4- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; thù lao của Ban kiểm soát năm 2019.
- 5- Kiến nghị của Ban kiểm soát.
- 6- Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát.

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019.

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % so với KH
Giá trị sản lượng	Tỷđ	300,000	199,475	66.49%
Doanh thu	Tỷđ	250,000	166,229	66.49%
Nộp NSNN	Tỷđ	12,500	3,041	24.33%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷđ	0,105	-28,558	-27.198%
Đầu tư máy móc, TB	Tỷđ	3,000	0,704	23,47%

2. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 333/BCTC/TC ngày 30/03/2019 được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm soát đã thẩm tra và báo cáo một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Năm 2018- đã được kiểm toán	Năm 2019- đã được kiểm toán
1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	170.054.485.090	166.229.263.188
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-5.307.825.747	-28.558.737.581
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-5.307.825.747	-28.558.737.581
4. Tài sản ngắn hạn	403.141.769.403	370.461.928.187
5. Hàng tồn kho	198.970.036.964	243.480.904.418
6. Tài sản ngắn hạn khác		9.578.124
7. Tài sản dài hạn	82.103.918.401	71.248.844.391
8. Tổng cộng tài sản	485.245.687.804	441.710.772.578
9. Nợ phải trả	415.520.061.454	400.543.883.809
<i>Trong đó nợ ngắn hạn</i>	<i>415.520.061.454</i>	<i>400.543.883.809</i>
10. Vốn chủ sở hữu	69.725.626.350	41.166.888.769
11. Tổng cộng nguồn vốn	485.245.687.804	441.710.772.578
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	83%	84%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	17%	16%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	86%	91%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	14%	9%
Khả năng thanh toán hiện hành	0.97	0.92
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng TS	-1%	-6%
Tỷ suất LN ST/DT thuần	-3%	-17%
Tỷ suất LN sau thuế/ NV CSH	-8%	-69%

3. BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HĐ CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

a) Hoạt động của HĐQT trong năm 2019.

Năm 2019, HĐQT tổ chức 15 phiên họp, đã ban hành 25 nghị quyết và 05 Quyết định với các nội dung: Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Quyết toán quỹ tiền lương năm 2018. Thông qua Báo cáo tài chính hàng quý. Thông qua chủ trương tái cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị Công ty. Chỉ đạo công tác thi công các dự án. Chỉ đạo thực hiện giải quyết công nợ. Chỉ đạo giảm 20% tiền lương đối với Ban lãnh đạo quản lý, giảm 15% tiền lương đối với Trưởng ban kiểm soát, Chủ tịch công đoàn và CBCNV khối văn phòng công ty.....Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành năm 2019. Các Nghị quyết được liệt kê tại Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2019 và gửi đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát.

Năm 2019, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu SXKD theo kế hoạch Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra, hiệu quả SXKD rất thấp, vốn chủ sở hữu giảm 28,5 tỷ đ so với năm 2018, (chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận/vốn âm 69%), do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Do việc đầu tư Nhà máy que hàn không hiệu quả, hàng năm hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp phải chịu thêm khoản lỗ về khấu hao, chi phí lãi vay.

+ Chi phí khác tăng 1,53 tỷ đ do bị phạt chậm nộp tiền Bảo hiểm xã hội, chậm nộp thuế, nguyên nhân công ty thiếu hụt dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có tiền chi trả thuế, Bảo hiểm xã hội.

+ Công tác thu hồi vốn còn chậm, đặc biệt các công trình tồn đọng qua nhiều năm như Công trình NMXM Bim Sơn, NM nhiệt điện Vũng áng 1 (phần kỹ với Lilama 45.1) Gang thép Thái Nguyên, Sơn La... ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD.

+ Dư nợ vay ngân hàng đến 31/12/2019: 228 tỷ đ dẫn đến chi phí lãi vay năm 2019 lớn, chiếm 14,2%/doanh thu, ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

b) Hoạt động của Ban giám đốc trong năm 2019.

Năm 2019, Ban kiểm soát không tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban điều hành. Các biên bản họp của Ban điều hành gửi tới Ban kiểm soát gồm một số nội dung chính như chỉ đạo thực hiện công tác hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm, đôn đốc thi công công trình, làm việc với các ngân hàng để cơ cấu nợ, thu hồi vốn các dự án, thúc đẩy doanh thu hoàn thành kế hoạch, giải quyết tiền lương cho các đội công trình, khởi văn phòng công ty.... Hoạt động của Ban điều hành cụ thể các nội dung như sau:

1. Công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội.

Công ty đã xây dựng Quỹ lương Kế hoạch theo phương pháp đơn giá tiền lương/ giá trị khối lượng sản xuất thực hiện và lập quyết toán Quỹ lương thực tế thực hiện.

Tổng tiền lương 12 tháng năm 2019 là 51 tỷ đ chiếm 30,6% doanh thu (51tỷ đ/166 tỷ đ). Mức lương bình quân là 9,4 trđ . Đến 31/12/2019 Công ty còn nợ CBCNV 18,6 tỷ đ, nợ Bảo hiểm xã hội là 8,789 tỷ đ, cho thấy Công ty chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, quyền lợi cho người lao động dẫn đến không thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng, không giữ được số lượng cán bộ công nhân viên lành nghề và tâm huyết, người lao động dưới các đơn vị thi công tự ý nghỉ việc nhiều, ý thức tổ chức kỷ luật của người lao động không cao làm giảm năng suất lao động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Công tác giao khoán: Công ty vẫn chưa xây dựng được quy chế giao khoán mới. Công tác thanh toán, tạm ứng cho các đơn vị thi công vẫn chưa gắn liền với việc thu hồi vốn. Công tác khoán chưa rõ ràng. Công tác quyết toán khoán chậm,

3. Công tác kiểm kê khối lượng dở dang và việc lập bảng tính giá thành:

Khối lượng dở dang được xác định dựa vào mức độ hoàn thành khối lượng thực tế thi công và đơn giá hợp đồng. Chi phí sản xuất kinh doanh được xác định trên cơ sở tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ (chi phí trực tiếp, chi phí phân bổ). Giá trị khối lượng dở dang cuối kỳ, dự toán thi công và chi phí thực tế phát sinh công trình là cơ sở tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, năm 2019 việc xác định giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp chưa bám sát với dự toán thi công công trình. Đến 31/12/2019, chi phí sản xuất kinh doanh là 240 tỷ đ chiếm 99% tổng giá trị hàng tồn kho, tăng 45 tỷ đ so với năm 2018.

4. Công tác quản lý công nợ:

Công ty thực hiện quản lý, theo dõi chi tiết, phân tích tuổi nợ các công nợ phải thu phải trả, tổ chức công tác nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ, gửi biên bản đối chiếu công nợ, công văn đề nghị quyết toán, trao đổi trực tiếp... để thu hồi công nợ, tuy nhiên chưa đạt hiệu quả cao. Tổng dư nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2019 là 112 tỷ đ chiếm 25% tổng tài sản của công ty (112tỷ đ/441tỷ đ) cho thấy nguồn vốn Công ty đang bị chiếm dụng. Trong số đó, công nợ trên 3 năm là 40,6 tỷ đ. Công ty đã tích cực làm việc với các bên liên quan để thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi, tuy nhiên việc thu hồi khoản nợ này gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ phải thu khách hàng với tỷ lệ đối chiếu 62% (69,5 tỷ đ/112,7 tỷ đ). Người mua trả tiền trước tỷ lệ đối chiếu là 41,2%.

Tạm ứng đến 31/12/2019 dư nợ là 8,4 tỷ đ, dư có 29,266 tỷ đ. Trong số dư tạm ứng nhiều cá nhân đã nghỉ hưu, đã chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty, nhiều công trình đã nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng và quyết toán xong với chủ đầu tư đến nay vẫn còn số dư.

5. Công tác quản lý hàng tồn kho:

Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ tồn kho; hạch toán nhập xuất và kiểm kê chi tiết theo từng loại vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm. Tuy nhiên Công ty chỉ thực hiện kiểm kê trên sổ sách mà không tiến hành kiểm kê thực tế, dẫn đến kết quả kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ không chính xác, không kiểm soát, quản lý được việc sử dụng vật tư. Qua kiểm tra hồ sơ kiểm kê và bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư, công cụ dụng cụ năm 2019, có một số vấn đề cần lưu ý như sau: một số mã vật tư, công cụ dụng cụ không có sự biến động, luân chuyển trong kỳ, một số mã có số lượng nhưng không có giá trị. Ban kiểm soát đã kiến nghị nhiều năm đến nay vẫn chưa xử lý, hoàn thiện.

4. HOẠT ĐỘNG VÀ THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019.

Trong năm 2019 Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động SXKD và Đầu tư, quản trị và điều hành của Công ty theo đúng Nghị quyết và Điều lệ. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia các phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến bằng văn bản của cổ đông về các vấn đề điều hành SXKD của Ban lãnh đạo Công ty. Lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2019 cụ thể như sau:

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
Tiền lương TBKS chuyên trách	trđ	159,600	147,630	93%
Thù lao thành viên BKS	trđ	62,400	62,400	100%
Tổng cộng		222.000	210,030	

Từ tháng 7 năm 2019, lương Trưởng ban KS giảm 15% theo nghị quyết của HĐQT.

5. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Đối với công tác quản trị: Đề nghị Hội đồng quản trị tập trung để ra các Quyết định mang tính chiến lược, các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, kế hoạch ổn định và phát triển trung, dài hạn công ty, tăng cường công tác quản trị, cân trọng trong công tác quản lý, nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

Đối với công tác tái cơ cấu nhà máy sản xuất que hàn: Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dây truyền máy móc, thiết bị nhà máy. Trong quá trình tái cơ cấu, cần có những biện pháp bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động tốt.

Đối với Đề án tái cấu trúc: Đề nghị Ban lãnh đạo công ty tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đối với các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cần có giải pháp thực hiện và giải quyết kịp thời.

Đối với công tác thu hồi vốn: Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, đặc biệt đối với

nợ tồn đọng tại các công trình đã nêu trên. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

Đối với quản lý nợ phải thu: Thực hiện rà soát thường xuyên công nợ, đánh giá thận trọng các khoản nợ để đưa ra các phương án thu hồi nợ đọng có hiệu quả. Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định. Thực hiện đối chiếu công nợ đúng quy định, tránh công nợ bị tồn đọng quá lâu, sai sót. Các bút toán liên quan đến bù trừ công nợ, phải có hồ sơ bù trừ công nợ mới được hạch toán, tránh phản ánh không đúng giá trị nợ của từng đối tượng nợ.

Đối với công tác theo dõi, quản lý, sử dụng vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản: Thực hiện rà soát, kiểm kê thực tế, thường xuyên. Sửa đổi, bổ sung quy chế. Đánh giá trích lập dự phòng đúng quy định. Thực hiện đối chiếu phần mượn công cụ, dụng cụ đối với các cá nhân, đội thi công. Xử lý dứt điểm tồn tại của 02 dự án Dây chuyền mới xi măng Bim Sơn và dự án Nhiệt điện Barh - Ấn Độ).

Đối với công tác khoán: Ban điều hành cần chỉ đạo thực hiện rõ ràng, thực hiện thanh toán, tạm ứng cho các đơn vị thi công gắn liền với việc thu hồi vốn. Thực hiện Quyết toán khoán đúng quy định.

Đối với tình hình nợ vay, nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán, chi phí lãi vay: Làm việc với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước tìm ra giải pháp khoanh lại khoản nợ xấu, giảm nợ tồn đọng. Chi phí lãi vay là yếu tố ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cần tập trung, tăng cường xây dựng phương án cơ cấu tạm dừng trả lãi để ổn định dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

Đề nghị công ty đề ra các chính sách để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, củng cố nguồn nhân lực cho công tác quản lý

- Cung cấp số liệu đầy đủ, kịp thời cho Ban kiểm soát.

6. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Ban kiểm soát lập kế hoạch một số công tác trọng tâm trong năm 2020 như sau:

- Thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty, trong đó tập trung công tác nghiệm thu, quyết toán, và thu hồi vốn các công trình tồn đọng, giám sát thực hiện công tác khoán.
- Giám sát việc thực hiện Đề án tái cấu trúc đã được Đại hội cổ đông thông qua, trong đó tập trung vào công tác tái cơ cấu phần dây truyền máy móc, thiết bị nhà máy que hàn.
- Giám sát việc sửa đổi, hoàn thiện các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với quy định - Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, và báo cáo năm theo quy định.
- Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ sau khi nhận được ý kiến bằng văn bản của cổ đông về các vấn đề điều hành SXKD của Ban lãnh đạo Công ty (nếu có).


Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. Ban kiểm soát xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Lưu Thư ký HĐQT, BKS


Hoàng Thị Phương 5

Bim sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc: Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phân tải sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5

Căn cứ Nghị quyết số: 114/TCT-HĐTV ngày 27/03/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về việc: Phê duyệt chủ trương tái cơ cấu Nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA;

Căn cứ Nghị quyết số: 26/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 19/4/2012; Nghị quyết số: 49/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2013; Nghị quyết số: 36/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/4/2014; Nghị quyết số: 39/NQ- ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015; Nghị quyết số: 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2016; Nghị quyết số: 40/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017; Nghị quyết số: 38/NQ- ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018 và Nghị quyết số: 58/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lilama 5 về việc: Thông qua chủ trương tái cơ cấu và tiếp tục tái cơ cấu phân tải sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 xin báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục tái cơ cấu phân tải sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn như sau:

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã mời các đối tác trong và ngoài nước để chuyển nhượng phân tải sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn như sau: Tập đoàn Hoa Sen-HoaSenGroup; Công ty TNHH ChosunVINA-KCN Long Thành, Đồng Nai; Văn phòng đại diện Que hàn Kiswel tại Việt Nam; Công ty TNHH Kuang Tai (Việt Nam)-KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai; Công ty SSH Corporation Đại diện cung cấp Que hàn Lincoln tại Việt Nam - Tập đoàn Lincoln Mỹ; Đại diện cung cấp que hàn Hyundai(Korea) tại Việt Nam; Công ty Que Hàn Nam Hà Việt; Công ty Que hàn Sovigas - thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam; Tập đoàn Hòa Phát-HoaPhatGroup... nhưng không có kết quả.

Vậy Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phân tải sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NICH H
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA
LƯU HUY PHÚC

Bim sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện và tiếp tục công tác tái cơ cấu khu đất
Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5

Thực hiện Nghị quyết số: 58/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2019 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc: Thông qua chủ trương tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 xin báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5) như sau:

Năm 2019 Ban lãnh đạo Công ty đã tìm được một số đối tác để thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5). Tuy nhiên do một số hồ sơ giấy tờ liên quan đến khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 chưa hoàn thiện theo quy định của pháp luật.

Vậy Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo và tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Lưu Huy Phúc